TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2021/HNGĐ- ST
Ngày : 29-9-2021
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Bà **Phan Thị Hà**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 94/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phùng Thị H,** sinh năm 1999
Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Công T,** sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trần Công T quen biết nhau từ năm 2017, có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm mới tiến tới hôn nhân. Vợ chồng chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được gia đình hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 18/02/2019. Sau khi kết hôn chị và anh T về thôn 1, xã L sinh sống cùng bố mẹ chồng được khoảng 01 tháng. Sau đó chị H chuyển về tổ 3, thị trấn L ở cùng bố mẹ ruột, anh T chỉ thỉnh thoảng về thị trấn L còn chủ yếu sống với bố mẹ ruột ở Lộc Phú. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ khi kết hôn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn chủ yếu từ kinh tế, anh T thường uống rượu về tìm lý do cãi nhau với chị H. Mâu thuẫn trầm

trọng là vào tháng 9/2019 anh T đánh chị H và bố mẹ chị ấy, dùng điện thoại đập vào đầu chị H làm rách da đầu, phải nhập viện và khâu 03 mũi tại vết thương vùng trán. Sự việc xô xát đã được Công an thị trấn L, huyện B lập biên bản. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Thỉnh thoảng anh T có đến thăm con, có xin lỗi gia đình và chị H. Tuy nhiên đến tháng 02/2021 vợ chồng cãi vã nhau, anh T đánh chị gãy ngón tay số 4. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn tình cảm với anh T nên chị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có một con chung tên là Trần Ngọc T, sinh ngày 07/02/2019. Từ khi vợ chồng ly thân thì chị đang trực tiếp nuôi con. Hiện nay cả chị và anh T đều làm việc tại công ty điện máy xanh có thu nhập ổn định. Hàng tháng anh T đưa cho chị 2.000.000 đồng để nuôi con. Nay ly hôn do con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên chị yêu cầu được nuôi con và anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh Trần Công T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Trần Công T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã triệp tập hợp lệ anh Trần Công T nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện của chị H nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/9/2021 nhưng không được, đồng thời chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa mà giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phùng Thị H và anh Trần Công T được ly hôn. Về con chung cần giao con là Trần Ngọc T, sinh ngày 07/02/2019 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con 2000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trần Công T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Trần Công T quen biết nhau từ năm 2017, khoảng 02 năm sau mới kết hôn, chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 18/02/2019. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Sau khi kết hôn, chị H, anh T sống không hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn phát sinh từ kinh tế, ghen tuông. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến anh T đã có đánh đập chị H 02 lần gây thương tích trong đó 01 lần chị H phải nhập viện. Sự việc này Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc là có thật, lý do mâu thuẫn dẫn đến xô xát địa phương không rõ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh T nhiều lần để làm việc về cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T, còn anh T vắng mặt. Xét hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, có xảy ra bạo lực gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, đã ly thân, không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị H được ly hôn với anh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của chị H, căn cứ vào giấy khai sinh chị H nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị H và anh T có một con chung tên là Trần Ngọc T, sinh ngày 07/02/2019. Hiện nay cháu Tiên còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng, từ khi ly thân thì chị H đang trực tiếp nuôi con, có việc làm, có thu nhập có điều kiện chăm sóc con. Qúa trình giải quyết vụ án thì anh T không đến làm việc nên không biết nguyện vong của anh T đối với con chung thế nào. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hồi đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung Trần Ngọc T, sinh ngày 07/02/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Xét yêu cầu cấp dưỡng, hiện nay con còn nhỏ cần đảm bảo phát triển về thể chất và tinh thần cho con. Chị H đang trực tiếp nuôi con và chăm sóc con, anh T cũng có công việc và có thu nhập ổn định nên cần áp dụng điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế địa phương và pháp luật.

Về tài sản chung: Chị H trình bày chị và anh T không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị H trình bày chị và anh T không có nợ chung nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Phùng Thị H phải

chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), anh Trần Công T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H đối với anh Trần Công T về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phùng Thị H được ly hôn với anh Trần Công T.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Công T phải giao con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 07/02/2019 cho chị Phùng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

"Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3. Về án phí: Buộc chị Phùng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2017/0004917 ngày 16/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. anh Trần Công T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy